TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/DS-ST.
Ngày: 28/05/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Lơ

Ông Đỗ Huy Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2026/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trì Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/1980 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 093180011358, cấp ngày: 06/08/2023.

Địa chỉ: P, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/02/1988. (Có mặt)

Căn cước công dân số: 094088001011, cấp ngày 13/04/2021

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/04/2026, quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trì Thị Mỹ D trình bày:

Do trước đây ông Nguyễn Văn H có quen biết, làm ăn chung với em trai của bà nên bà có quen biết thân thiết với ông H, ông H và em trai của bà có qua lại tiền bạc với nhau rồi ông H còn thiếu em trai của bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), rồi hai vợ chồng em trai bà lục đục với nhau nên em trai bà và ông H có bàn bạc ông H mượn tiền của bà 100.000.000 đồng (Một

trăm triệu đồng) vào ngày 13/01/2026, ông H có viết "Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026" có nội dung ông H mượn bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) hứa trong vòng hai tháng tức ngày 13/3/2026 trả lại cho bà. Nhưng sau đó gần đến hạn trả tiền con bà bị bệnh nên bà cần tiền có điện thoại kêu ông H gửi trả cho bà hai lần, một lần 50.000.000 đồng cũng được nhưng sau đó ông H không trả tiền cho bà luôn. Lập Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026 tại nhà ông Võ Minh L là người ký vào dưới chữ người làm chứng. Sau khi lập xong Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026 thì bà đưa tiền cho ông H, ông H mới gửi trả tiền cho em trai của bà cho vợ chồng nó nghỉ lục đục.

Tại phiên tòa bà D yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

2/ Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thừa nhận toàn bộ chữ viết trong Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026 do bà D cung cấp đúng là do ông viết và ông ký nhận nợ bà D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tuy nhiên ông không có nhận tiền trực tiếp từ bà D. Nguyên do số tiền này trước đây ông có làm ăn chung với ông S là em của bà D, quá trình làm ăn chung rất nhiều số tiền nhưng đến sau đó do người khác vay tiền của ông đã bị phá sản đang đợi thanh lý tài sản nên chưa thể trả nợ lại cho ông, ông chưa có khả năng trả nợ cho ông S số tiền còn nợ 100.000.000 đồng. Nên ngày 13/01/2026 ông S có kêu ông viết giấy nhận nợ chị của ông S là bà Trì Thị Mỹ D, nên ông có viết hợp đồng cho mượn tiền đưa cho bà D giữ để chuyển khoản nợ từ ông S qua cho bà D (tức chuyển chủ nợ), ông cũng có lăng tay vào hợp đồng mượn tiền ngày 13/01/2026, trong hợp đồng mượn tiền để thời gian trả tiền hai tháng nhưng thực chất lúc đó thỏa thuận miệng là khi nào người thiếu nợ ông trả tiền cho ông thì ông mới trả tiền lại cho bà D. Ông thừa nhận còn nợ bà D số tiền 100.000.000 đồng, ông thiếu nợ thì nợ ai ông cũng trả, ông đồng ý trả nợ bà Trì Thị Mỹ D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nhưng hiện nay ông không có khả năng để trả một lần, ông yêu cầu cho ông được trả một tháng 2.000.000 đồng đến hết nợ hoặc hiện tại ông trả một tháng 2.000.000 đồng đến khi ông nhận được tiền người khác trả nợ cho ông thì ông thanh toán cho bà D phần nợ còn lại một lần.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trì Thị Mỹ D, đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà Trì Thị Mỹ D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trì Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H địa chỉ cư trú tại khu V, phường N, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền cho mượn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu ông H trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) một lần, ông H thừa nhận còn thiếu nợ bà D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nhưng không có khả năng trả một lần, xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà D khởi kiện đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà thì bà D đã cung cấp chứng cứ là "Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026" có nội dung ông Nguyễn Văn H mượn bà Trì Thị Mỹ D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 13/01/2026 đến ngày 13/3/2026. Bị đơn thừa nhận chữ viết, chữ ký, dấu lăng tay trong "Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026" là của bị đơn H, ông thừa nhận đến nay còn nợ bà Trì Thị Mỹ D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhận thấy, theo"Hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 13/01/2026" thể hiện thời hạn vay từ ngày 13/01/2026 đến ngày 13/3/2026, nhưng đến nay ông H không trả tiền cho bà D là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Nên căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D buộc bị đơn ông H trả cho bà D số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[2.2] Về phương thức và thời hạn thanh toán: ông H xin trả dần số tiền nợ bà D mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng bà D không đồng ý, việc thỏa thuận trả dần có thể được thực hiện tại giai đoạn thi hành án. Cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà D không phải chịu án phí và nguyên đơn bà D được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006098 ngày 03/04/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Còn bị đơn ông H phải chịu án

phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 5.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 280, 463, 466, 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trì Thị Mỹ D về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ vay.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Trì Thị Mỹ D số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Bà Trì Thị Mỹ D không phải chịu án phí. Bà Trì Thị Mỹ D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006098 ngày 03/04/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng